

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

14/3

071.111

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (71 -)/ĐA23YKB

CBGD: Nguyễn Tiến Dũng (12641)

Hình thức đánh giá: TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14/3/2024

Phòng thi: 071.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116023049	Hồ Nhật Hào	20/05/2004	Nam	9.0	5.5	7.3	001	Hào		
2	116023051	Nguyễn Nhật Hào	19/08/2005	Nam	8.8	4.0	6.4	002	Hào		
3	116023052	Phạm Gia Hào	25/04/2005	Nam	8.5	5.5	7.0	003	Gia		
4	116023055	Trần Trí Hải	11/09/2003	Nam	8.0	4.8	6.4	004	Trí		
5	116023056	Ngô Long Hiền	22/12/2005	Nam	9.0	1.8	6.9	005	Hiền		
6	116023060	Phan Hữu Hạnh	19/07/2005	Nam	9.0	4.0	6.5	006	Hạnh		
7	116023061	Trần Phan Kim Hoàn	20/08/2005	Nữ	9.5	5.3	7.4	007	Hoàn		
8	116023062	Trần Huy Hoàng	09/10/2004	Nam	8.0	3.8	5.9	008	Huy		
9	116023064	Dương Thị Ngọc Huệ	25/03/2005	Nữ	9.5	4.5	7.0	009	Huệ		
10	116023065	Lê Văn Hữu	03/08/2005	Nam	8.8	5.3	7.1	010	Hữu		
11	116023066	Mạng Đức Tiến	07/11/2005	Nam	9.3	/	/	/	/		
12	116023067	Nguyễn Đăng Hùng	04/11/2005	Nam	9.3	5.3	7.3	012	Hùng		
13	116023069	Huỳnh Lê Huỳnh	04/03/2005	Nam	/	/	/	/	/		
14	116023071	Đỗ Gia Huy	01/01/2005	Nam	9.0	6.3	7.7	014	Gia		
15	116023072	Nguyễn Quốc Huy	27/08/2005	Nam	9.0	5.0	7.0	015	Quốc		
16	116023073	Đoàn Thị Mỹ Huyền	11/08/2005	Nữ	9.8	5.5	7.7	016	Mỹ		
17	116023074	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	17/11/2005	Nữ	/	/	/	/	/		
18	116023075	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	06/07/2005	Nữ	/	/	/	/	/		
19	116023077	Trần Thị Ngân	07/06/2003	Nữ	8.8	5.0	6.9	019	Ngân		
20	116023078	Võ Thị Ngọc Huyền	02/12/2004	Nữ	9.5	4.8	7.2	020	Huyền		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Minh Kim Hân

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 80 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Diễm Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA23YKB

CBGD: Nguyễn Tiến Dũng (12641)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
14 / 3 / 2024

Phòng thi: 071.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116023079	Cô Minh Hưng	27/06/2005	Nam	8.8	4.5	6.7	001	<u>Mh</u>		
2	116023080	Nguyễn Duy Khả	29/01/2005	Nam	9.5	4.8	7.2	002	<u>Kh</u>		
3	116023082	Huỳnh Minh Khang	24/01/2005	Nam	8.8	5.5	7.2	003	<u>Khang</u>		
4	116023085	Nguyễn Hoàng Khánh	21/01/2005	Nam	8.8	6.5	7.7	004	<u>Kh</u>		
5	116023088	Huỳnh Chương Đăng Khoa	29/03/2005	Nam	9.3	4.3	6.8	005	<u>Kh</u>		
6	116023089	Lâm Trần Đăng Khoa	04/01/2005	Nam	9.3	6.0	7.7	006	<u>Kh</u>		
7	116023090	Nguyễn Duy Khoa	23/11/2005	Nam	8.3	5.0	6.7	007	<u>Kh</u>		
8	116023091	Nguyễn Duy Khoa	10/11/2005	Nam	8.0	4.0	6.0	008	<u>Kh</u>		
9	116023092	Đặng Ngọc Minh Khôi	20/06/2005	Nữ	8.8	5.3	7.1	009	<u>Kh</u>		
10	116023094	Nguyễn Minh Khôi	12/05/2005	Nam	8.8	3.3	6.1	010	<u>Kh</u>		
11	116023095	Huỳnh Tuấn Kiệt	15/11/2005	Nam	8.3	5.8	7.1	011	<u>Kh</u>		
12	116023096	Trần Tuấn Kiệt	22/09/2005	Nam	8.0	4.0	6.0	012	<u>Kh</u>		
13	116023259LT	Nguyễn Trọng Khang	04/11/1996	Nam	8.0	4.0	6.0	013	<u>Kh</u>		
14	116023263LT	Trương Văn Hiếu	04/07/2000	Nam	9.0	4.3	6.7	014	<u>Kh</u>		
15	116023266LT	Nguyễn Lê Minh Thanh	30/04/1994	Nữ	8.5	4.5	6.5	015	<u>Kh</u>		
16	116023268LT	Lê Thị Mỹ Lan	27/11/1996	Nữ	8.3	3.3	5.8	016	<u>Kh</u>		
17	116023271LT	Lê Thị Kiều Hạnh	12/02/1987	Nữ	9.0	4.5	6.8	017	<u>Kh</u>		
18	116023316	Thạch Trà An	24/11/2004	Nữ	9.5	3.8	6.7	018	<u>Kh</u>		
19	116023317	Thạch Sơn Đông	31/07/2004	Nam	9.5	4.5	7.0	019	<u>Kh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 19

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn C. D. P. Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Kh

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

14/3

771.113

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA23YKA

CBGD: Nguyễn Tiến Dũng (12641)

Hình thức đánh giá: thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 03 / 2024

Phòng thi: 771.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116023001	Võ Thúy Ái	18/11/2005	Nữ	8.8	4.3	6.6	001	Hi		
2	116023002	Lê Nguyên Bảo	23/09/2005	Nam	8.8	4.8	6.8	002	An		
3	116023003	Lê Nguyễn Ngọc Vân	18/10/2005	Nữ	8.8	2.5	5.7	003	Ph		
4	116023004	Trần Thiên An	30/06/2005	Nam	8.8	4.5	6.7	004	Chi		
5	116023005	Huỳnh Anh	11/10/2005	Nữ	8.8	6.0	7.4	005	Lyac		
6	116023006	Mã Hà Anh	03/09/2005	Nữ	8.5	5.3	6.9	006	Thu		
7	116023007	Nguyễn Hùng Anh	03/03/2005	Nam	8.0	4.3	6.2	007	Khue		
8	116023008	Nguyễn Phạm Nhựt	19/12/2005	Nữ	8.5	5.8	7.2	008	Anh		
9	116023009	Nguyễn Thị Lan Anh	21/10/2005	Nữ	8.8	5.3	7.1	009	Ok		
10	116023010	Nguyễn Tiêu Phương Anh	27/07/2005	Nữ	9.3	4.5	6.9	010	Phu		
11	116023011	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	23/09/2005	Nữ	8.0	5.0	6.5	011	Quynh		
12	116023013	Phan Nhật Anh	09/06/2005	Nam	8.8	5.8	7.3	012	Phu		
13	116023014	Tô Phạm Hà Anh	05/01/2005	Nữ	/	/	/	/	/		
14	116023019	Lữ Đoàn Phước Bảo	26/03/2005	Nam	8.8	5.8	7.3	014	Phu		
15	116023020	Lâm Chí Bảo	20/07/2005	Nam	8.3	7.0	7.7	015	Bao		
16	116023022	Phan Huỳnh Cát Tiên	03/03/2005	Nữ	8.8	6.8	7.8	016	cat		
17	116023023	Trần Huyền Chân	24/11/2005	Nữ	8.8	4.3	6.6	017	Chau		
18	116023024	Huỳnh Thiện Chí	20/11/2005	Nam	8.0	3.5	5.8	018	Chi		
19	116023025	Chau Sóc Chia	31/05/2005	Nam	8.5	3.8	6.2	019	Chia		
20	116023026	Dương Thị Kim Cương	16/08/2005	Nữ	9.0	4.5	6.8	020	Kim		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19...

Tổng số tờ: 19...

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Chu Văn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Chu Văn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

14/3

D71.114

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA23YKA

CBGD: Nguyễn Tiến Dũng (12641)

Hình thức đánh giá: TIV

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
14 / 03 / 2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116023029	Nguyễn Quách Bích Du	01/05/2005	Nữ	7.5	4.5	6.0	001	<u>Đu</u>		
2	116023031	Trần Thị Phương Dung	27/01/2003	Nữ	8.5	4.8	6.7	002	<u>Đu</u>		
3	116023032	Võ Thị Kiều Dung	09/03/2005	Nữ	9.0	6.8	7.9	003	<u>Dung</u>		
4	116023033	Lâm Khánh Duy	26/10/2005	Nam	8.5	4.0	6.3	004	<u>Duy</u>		
5	116023034	Lê Cảnh Duy	31/10/2005	Nam	8.8	4.5	6.7	005	<u>Duy</u>		
6	116023035	Nguyễn Tuấn Duy	05/05/2005	Nam	9.3	6.8	8.1	006	<u>Tuấn Duy</u>		
7	116023037	Trần Nguyễn Thanh Duyên	21/11/2005	Nữ	—	—	—	—	—		
8	116023038	Trần Thùy Dương	19/09/2005	Nữ	9.0	4.3	6.7	008	<u>Duy</u>		
9	116023039	Nguyễn Hải Đăng	30/06/2005	Nam	9.3	3.8	6.6	009	<u>Duy</u>		
10	116023040	Nguyễn Quốc Đăng	31/07/2005	Nam	9.3	5.5	7.4	010	<u>Duy</u>		
11	116023042	Phan Minh Đức	06/01/2005	Nam	9.0	5.3	7.2	011	<u>Duy</u>		
12	116023044	Châu Chấn Đông	02/02/2005	Nam	9.8	4.3	7.1	012	<u>Duy</u>		
13	116023045	Lê Đức Anh Đạt	18/03/2005	Nam	9.0	4.8	6.9	013	<u>Duy</u>		
14	116023048	Danh Vũ Hào	07/08/2003	Nam	8.8	5.3	7.1	014	<u>Hào</u>		
15	116023195	Nguyễn Ngô Minh Thơ	21/05/2005	Nữ	9.3	6.8	8.1	015	<u>Thơ</u>		
16	116023299LT	Trần Thị Huyền Trang	10/08/1992	Nữ	9.3	7.3	6.8	017	<u>Trang</u>		
17	116023315	Lưu Nữ Kim Đan	03/10/2003	Nữ	8.8	3.8	6.3	016	<u>Kim Đan</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 80 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Luân Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA23KTHY

CBGD: Nguyễn Tiến Dũng (12641)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 03 / 2024

Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	118423001	Nguyễn Xuân An	01/02/2005	Nam	8.5	4,3	6,4	001	An		
2	118423003	Huỳnh Hữu Cường	07/11/2005	Nam	7.8	4,5	6,2	002	Cuong		
3	118423006	Phạm Thị Yến Nhi	28/04/2005	Nữ	7.3	3,8	5,6	003	Nhi		
4	118423007	Trương Minh Nhật	28/09/2005	Nam	8.5	5,0	6,8	004	Minh		
5	118423008	Phan Lâm Như	31/01/2005	Nữ	8.5	5,3	6,9	005	Like		
6	118423009	Phan Hoàng Phúc	19/12/2005	Nam	7.0	4,3	5,7	006	Phu		
7	118423010	Nguyễn Hữu Phước	15/07/2005	Nam	8.0	2,5	5,3	007	Phu		
8	118423012	Nguyễn Chí Thịnh	15/02/2005	Nam	7.5	3,3	5,4	008	Thinh		
9	118423013	Dương Thị Thu Thảo	19/06/2005	Nữ	7.8	3,5	5,7	009	Thao		
10	118423015	Thạch Ngọc Anh Thư	25/02/2005	Nữ	8.8	5,3	7,1	010	Thuy		
11	118423016	Sơn Thị Bảo Trân	20/07/2005	Nữ	7.0	4,3	5,7	001	Tran		
12	118423017	Cô Thị Bích Tuyền	13/02/2005	Nữ	7.8	3,3	5,6	012	Tuyen		
13	118423018	Danh Nhật Tường	16/10/2005	Nam	7.5	3,5	5,5	013	Tuong		
14	118423019	Nguyễn Duy Tường	02/09/2005	Nam	—	—	—	—	—		
15	118423020	Hồ Thiên Vũ	06/01/2005	Nam	7.3	3,8	5,6	015	VR		
16	118423021	Nguyễn Chí Văn	22/05/2005	Nam	—	—	—	—	—		
17	118423022	Mai Thanh Bình	29/10/2005	Nam	6.8	4,0	5,4	017	Binh		
18	118423023	Trần Gia Bảo	03/09/2005	Nam	7.8	2,3	5,1	018	Bao		
19	118423025	Nguyễn Nhật Anh Duy	05/02/2005	Nam	7.5	3,5	5,5	019	Duy		
20	118423027	Nguyễn Hữu Đức	06/07/2005	Nam	7.8	4,3	6,1	020	Due		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ: 18

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn C.D.P. Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA23KTHY

CBGD: Nguyễn Tiến Dũng (12641)

Hình thức đánh giá:.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

Phòng thi:.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118423028	Lê Xuân Hào	27/04/2005	Nam	7.8	3.5	5.7	001			
2	118423029	Võ Thị Thanh Huyền	19/05/2005	Nữ	7.5	2.5	5.0	002			
3	118423031	Huỳnh Đăng Khoa	10/04/2005	Nam	8.3	3.3	5.8	003			
4	118423032	Trần Thiện Duy Lam	05/12/2005	Nam	6.8	4.8	5.8	004			
5	118423033	Lâm Trương Quý Nguyên	19/12/2005	Nữ	7.8	4.3	6.1	005			
6	118423034	Nguyễn Tấn Phong	14/08/2005	Nam	6.5	3.5	5.0	006			
7	118423035	Huỳnh Thị Khả Phương	27/03/2005	Nữ	8.3	3.5	5.9	007			
8	118423036	Võ Chí Phương	03/10/2005	Nam	6.0	4.5	5.3	008			
9	118423037	Trần Thanh Trúc	18/04/2005	Nữ	9.0	—	—	—			
10	118423038	Trần Thị Ngọc Vàng	11/11/2005	Nữ	6.8	2.5	4.7	010			
11	118423039	Y Trương Niê	12/12/2002	Nam	7.8	4.5	6.2	011			
12	118423041	Kiên Phương Thảo	06/10/2005	Nữ	7.3	3.8	5.6	012			
13	118423042	Kiên Thị Thanh Đình	23/04/2005	Nữ	6.8	3.0	4.9	013			
14	118423044	Nguyễn Quý Xuân Phát	24/05/2005	Nam	—	—	—	—			
15	118423045	Nguyễn Thị Như Ý	22/10/2005	Nữ	6.8	3.5	5.2	017			
16	118423046	Phạm Trần Tấn Phát	14/02/2005	Nam	8.3	6.0	7.2	014			
17	118423047	Trần Tường Quyền	25/11/2005	Nữ	8.0	4.5	6.3	015			

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....

Tổng số bài luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ.....

Cán bộ coi thi 1.....

Cán bộ coi thi 2.....

Điểm QT:.....50 %; Điểm KT:.....50 %

Trà Vinh, Ngày ..01.. tháng ..09.. năm ..2024

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mác - Lênin Ngày đánh giá: 14/03/2024
Nhóm/Lớp (Ghi mã): DA23 KTHY Thời gian làm bài: 60 phút
Sĩ số: 20 Phòng thi: D7.1.109

⇒

	016	015	001
027	017	013	003
025	018	012	006
023	019	010	007
022	020	009	008
	021		

CBCT 1: Ths Nguyễn Anh Phi
CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mac-Lenin
Nhóm/Lớp (ghi mã): DH23KTH
Số: 1.7.44.15

Ngày đánh giá: 14/3/2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: D.7A.110

032	033	042	045
031	034	041	046
029	035	039	047
028	036	038	

CBCT 1: Nguyễn Văn Khoa
CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mác - Lênin Ngày đánh giá: 14/3/2024
Nhóm/Lớp (Ghi mã): DA23YKA Thời gian làm bài: 60 phút
Sĩ số: 17 Phòng thi: DH 114

⇒

029	034	039	045
031	035	040	048
032	037	042	195
033	038	044	299LT
			315

CBCT 1: Trần Thị Kim Ngọc
CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mác - Lênin Ngày đánh giá: 14/3/2024

Nhóm/Lớp (Ghi mã): 71.1D.23.YLB Thời gian làm bài: 60 phút

Sĩ số: 16 Phòng thi: D71.111

⇒ 055 062 071 078

052 061 067 077

051 060 065 073

049 056 064 072

CBCT 1: Nguyễn Đình Minh Hòa

CBCT 2: _____

BÀN GIÁO VIÊN

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Thiết học M-LN..... Ngày đánh giá: 14/3/2024.....

Nhóm/Lớp (Ghi mã): DA23YKB..... Thời gian làm bài: 60'..... phút

Sĩ số: 19..... Phòng thi: 071.112.....

⇒

116023085 116023094 116023092 116023271LT

116023082 116023091 116023095 116023316

116023080 116023090 116023259LT 116023268LT

116023079 116023089 116023096 116023266LT

Của 116023088 116023317 116023263LT

CBCT 1: Đa Nguyễn Thanh Thanh.....

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Giải học Mác Lênin..... Ngày đánh giá: 14/03/2024.....

Nhóm/Lớp (Ghi mã): DA23.YKA..... Thời gian làm bài: 60'..... phút

Sĩ số: 19..... Phòng thi: D71.13.....

⇒ 116023007 116023006
..... 116023026 116023008 116023005
..... 116023025 116023020 116023009 116023004
..... 116023024 116023019 116023010 116023003
..... 116023023 116023013 116023011 116023002
..... 116023022 ~~116023018~~ 116023001

CBCT 1: Chị Cao Dương Phương Lan.....

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN